

Lịch 2026

Năm Bính Ngọ · ngày lễ theo Bộ luật Lao động 2019 và Nghị quyết 28/2026/QH16, lịch nghỉ của công chức · tuần bắt đầu Chủ nhật

13 ngày lễ và nghỉ bù · 249 ngày công
Vòng tròn: ngày lễ, nghỉ bù · Nét đứt: tham khảo
Ồ vuông: nghỉ hoán đổi · Gạch trên: làm bù
Ồ xám: Chủ nhật, ngày lễ
Số nhỏ: âm lịch (giờ Việt Nam) · Khung: mừng 1 · Gạch dưới: rằm

Tháng 1

tháng Mười Một 20/12-18/1 · tháng Chạp từ 19/1

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				① 13	② 14	3 15
4 16	5 17	6 18	7 19	8 20	9 21	10 22
11 23	12 24	13 25	14 26	15 27	16 28	17 29
18 30	19 1/12	20 2	21 3	22 4	23 5	24 6
25 7	26 8	27 9	28 10	29 11	30 12	31 13

Tháng 2

tháng Chạp 19/1-16/2 · tháng Giêng Bính Ngọ từ 17/2

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1 14	2 15	3 16	4 17	5 18	6 19	7 20
8 21	9 22	10 23	11 24	12 25	13 26	14 27
15 28	16 29	17 1/1	18 2	19 3	20 4	21 5
22 6	23 7	24 8	25 9	26 10	27 11	28 12

Tháng 3

tháng Giêng Bính Ngọ 17/2-18/3 · tháng Hai từ 19/3

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1 13	2 14	3 15	4 16	5 17	6 18	7 19
8 20	9 21	10 22	11 23	12 24	13 25	14 26
15 27	16 28	17 29	18 30	19 1/2	20 2	21 3
22 4	23 5	24 6	25 7	26 8	27 9	28 10
29 11	30 12	31 13				

Tháng 4

tháng Hai 19/3-16/4 · tháng Ba từ 17/4

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1 14	2 15	3 16	4 17
5 18	6 19	7 20	8 21	9 22	10 23	11 24
12 25	13 26	14 27	15 28	16 29	17 1/3	18 2
19 3	20 4	21 5	22 6	23 7	24 8	25 9
26 10	27 11	28 12	29 13	30 14		

Tháng 5

tháng Ba 17/4-16/5 · tháng Tư từ 17/5

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					① 15	2 16
3 17	4 18	5 19	6 20	7 21	8 22	9 23
10 24	11 25	12 26	13 27	14 28	15 29	16 30
17 1/4	18 2	19 3	20 4	21 5	22 6	23 7
24 8	25 9	26 10	27 11	28 12	29 13	30 14
31 15						

Tháng 6

tháng Tư 17/5-14/6 · tháng Năm từ 15/6

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1 16	2 17	3 18	4 19	5 20	6 21
7 22	8 23	9 24	10 25	11 26	12 27	13 28
14 29	15 1/5	16 2	17 3	18 4	19 5	20 6
21 7	22 8	23 9	24 10	25 11	26 12	27 13
28 14	29 15	30 16				

Tháng 7

tháng Năm 15/6-13/7 · tháng Sáu từ 14/7

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1 17	2 18	3 19	4 20
5 21	6 22	7 23	8 24	9 25	10 26	11 27
12 28	13 29	14 1/6	15 2	16 3	17 4	18 5
19 6	20 7	21 8	22 9	23 10	24 11	25 12
26 13	27 14	28 15	29 16	30 17	31 18	

Tháng 8

tháng Sáu 14/7-12/8 · tháng Bảy từ 13/8

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1 19
2 20	3 21	4 22	5 23	6 24	7 25	8 26
9 27	10 28	11 29	12 30	13 1/7	14 2	15 3
16 4	17 5	18 6	19 7	20 8	21 9	22 10
23 11	24 12	25 13	26 14	27 15	28 16	29 17
30 18	31 19					

Tháng 9

tháng Bảy 13/8-10/9 · tháng Tám từ 11/9

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		① 20	② 21	3 22	4 23	5 24
6 25	7 26	8 27	9 28	10 29	11 1/8	12 2
13 3	14 4	15 5	16 6	17 7	18 8	19 9
20 10	21 11	22 12	23 13	24 14	25 15	26 16
27 17	28 18	29 19	30 20			

Tháng 10

tháng Tám 11/9-9/10 · tháng Chín từ 10/10

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1 21	2 22	3 23
4 24	5 25	6 26	7 27	8 28	9 29	10 1/9
11 2	12 3	13 4	14 5	15 6	16 7	17 8
18 9	19 10	20 11	21 12	22 13	23 14	24 15
25 16	26 17	27 18	28 19	29 20	30 21	31 22

Tháng 11

tháng Chín 10/10-8/11 · tháng Mười từ 9/11

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1 23	2 24	3 25	4 26	5 27	6 28	7 29
8 30	9 1/10	10 2	11 3	12 4	13 5	14 6
15 7	16 8	17 9	18 10	19 11	20 12	21 13
22 14	23 15	24 16	25 17	26 18	27 19	28 20
29 21	30 22					

Tháng 12

tháng Mười 9/11-8/12 · tháng Mười Một từ 9/12

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1 23	2 24	3 25	4 26	5 27
6 28	7 29	8 30	9 1/11	10 2	11 3	12 4
13 5	14 6	15 7	16 8	17 9	18 10	19 11
20 12	21 13	22 14	23 15	24 16	25 17	26 18
27 19	28 20	29 21	30 22	31 23		

Ngày lễ

- ① T5 1/1
② T6 2/1
10 T7 10/1
16 T2 16/2
17 T3 17/2
18 T4 18/2
- Tết Dương lịch
Nghỉ hoán đổi Tết Dương lịch (tham khảo)
Làm bù Tết Dương lịch (tham khảo)
Tết Nguyên đán (tham khảo)
Tết Nguyên đán (tham khảo)
Tết Nguyên đán (tham khảo)

- 19 T5 19/2
20 T6 20/2
26 CN 26/4
27 T2 27/4
30 T5 30/4
1 T6 1/5
- Tết Nguyên đán (tham khảo)
Tết Nguyên đán (tham khảo)
Giỗ Tổ Hùng Vương
Nghỉ bù Giỗ Tổ Hùng Vương
Ngày Chiến thắng
Ngày Quốc tế Lao động

- 22 T7 22/8
31 T2 31/8
1 T3 1/9
2 T4 2/9
24 T3 24/11
- Làm bù Quốc khánh (tham khảo)
Nghỉ hoán đổi Quốc khánh (tham khảo)
Quốc khánh (tham khảo)
Quốc khánh
Ngày Văn hóa Việt Nam